TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2025.
"V/v tranh chấp ly hôn giữa anh L và chị Sô P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng
Ông Nguyễn Trung Hoà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Diệp Thị Vân Khoa, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 205/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21/02/2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐST-HN, ngày 04/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Thái Văn L, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Chị Thạch Thị Sô P, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt
Người phiên dịch: Ông Kim Na R, Cán bộ hưu trí. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Thái Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2002 tôi và Thạch Thị Sô P do mai mối và xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống anh và chị S Phiếp có 01 con chung tên Thái Ngọc D, sinh ngày 20/01/2003 đã thành niên, quá trình chung sống anh L cho rằng anh và chị Sô P tính tình không hợp, thường xuyên

bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cải nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thạch Thị Sô P.

Về con chung tên: Thái Ngọc D, sinh ngày 20/01/2003 đã thành niên anh L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh L không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Thạch Thị Sô P trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về kết hôn, về con chung như anh L trình bày là đúng. Về tài sản chung, về số nợ phải thu, phải trả chị không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẩn giữa vợ chồng chị Sô P cho rằng vợ chồng không hợp nhau thường xuyên bất đồng trong cuộc sống, ly thân 03 năm nay, từ khi ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, mọi nhu cầu thiết yếu hàng ngày mỗi người tự lo liệu để sinh sống.

Nay anh L yêu cầu ly hôn, chị Sô P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L, về con chung chị và anh L có 01 Thái Ngọc D, sinh ngày 20/01/2003 đã thành niên chị Sô P không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, về nợ chung của vợ chồng chị không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán*: Việc giải vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thủ tục nhận đơn Toà án đã thực hiện đúng quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thời hạn xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Toà án đã tống đạt thông báo về phiên hoà giải và tiến hành hoà giải nhằm hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa các đương sự đúng theo quy định tại Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định tại Điều 208, 209 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự hợp lệ, đảm bảo thời hạn luật định.

- *Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà*: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Từ khi thụ lý cho đến nay, anh Thái Văn L và chị Thạch Thị Sô P đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh L, tuyên bố không công nhận anh L và chị Sô P là vợ chồng, về con chung Thái Ngọc D, sinh ngày 20/01/2003 đã thành niên anh L và chị Sô P không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả anh L và chị Sô P không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Thái Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Thạch Thị Sô P có nơi cư trú và sinh sống trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của anh L khởi kiện xin ly hôn với chị Thạch Thị Sô P nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh L và chị Sô P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2002 nhưng đến nay anh L và chị Sô P không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ đó xác định hôn nhân của anh L và chị Sô P là không hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa anh L và chị Sô P tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh anh L và chị Sô P đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt và anh, từ khi ly thân 03 năm nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt.

Mặt khác, khi xác lập quan hệ hôn nhân, anh L và chị Sô P có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng anh L và chị Sô P không đăng ký kết

hôn mà lại chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sô P và tại phiên tòa hôm nay chị Thạch Thị Sô P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L, nghĩ nên tuyên bố không công nhận anh L và chị Sô P là vợ chồng, là đúng quy định Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con tên: Thái Ngọc D, sinh ngày 20/01/2003 đã thành niên anh L và chị Sô P không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh L và chị Sô P không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L và chị Sô P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh L phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 09, 14, 51, khoản 02 Điều 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 của Quốc hội khoá X. Kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 09/6/2000;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Thái Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Thái Văn L và chị Thạch Thị Sô P là vợ chồng.

- Về nuôi con tên: Thái Ngọc D, sinh ngày 20/01/2003 đã thành niên anh L và chị S Phiếp không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh L và chị Sô P không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh L và chị Sô P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Thái Văn L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011666, ngày 21/02/2025 do anh L nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, anh Thái Văn L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T,
huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.